| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 385/2018/QĐST-HNGĐ | *Quận 7, ngày 18 tháng 6 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; Địa chỉ: 58/6A Trần X, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: 58/6A Trần X, phường T, Quận B, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2001 ngày 03/4/2001 tại UBND phường T. Quận B, Thành phố H).

- Về con chung: vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Kim V (nữ), sinh ngày 05/11/2003, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: cả hai cam kết không có nợ chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025422 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H, hoàn lại cho bà L 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- UBND phường T, Quận B, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Dung.TK).

**THẨM PHÁN**
**(đã ký)**

**Nguyễn Bùi Tường Vân**